

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt 02 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP, ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 01 thủ tục hành chính thay thế, 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2389/TTr-SNN ngày 28 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 02 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm:

1. Chủ trì phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định

này, chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh VP.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (kèm hồ sơ);
- Sở Thông tin và Truyền thông (kèm hồ sơ);
- Phòng KSTT, KT, TTPVHCC (kèm hồ sơ);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Cao Văn Trọng

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẾN TRE
(Ban hành kèm theo Quyết định số:2139 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính	Quy trình số
Lĩnh vực: Lâm nghiệp			
1	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 01 thủ tục hành chính thay thế, 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre	03/LN
Lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn			
2	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre	01/KTHT
Tổng cộng: 02 thủ tục			

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ
TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH
KHÁC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2139 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Thẩm quyền của Quốc hội:			
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ đầy đủ: Ra Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. + Nếu hồ sơ không đầy đủ: Ra phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc trả lại hồ sơ để đơn vị hoàn chỉnh lại hồ sơ. - Lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. - Chuyển Chi cục Kiểm lâm xử lý hồ sơ. 	Công chức Một cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, thẩm định hồ sơ, tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do. 	Chi cục Kiểm lâm – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4,5 ngày làm việc
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. - Trường hợp kết quả thẩm định 	Ủy ban nhân dân tỉnh	20 ngày làm việc

	không đủ điều kiện, trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do.		
Bước 4	Gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh. - Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức hội đồng thẩm định hồ sơ, trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh và nêu rõ lý do. 	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25 ngày làm việc
Bước 6	Trình Quốc hội xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	Thủ tướng Chính phủ	Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.
Bước 7	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	Quốc hội	Thực hiện theo quy chế làm việc của Quốc hội.
Bước 8	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả	Công chức Một cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc tại	0,5 ngày làm việc

	TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	
* Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ:			
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ đầy đủ: Ra Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. + Nếu hồ sơ không đầy đủ: Ra phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc trả lại hồ sơ để đơn vị hoàn chỉnh lại hồ sơ. - Lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. - Chuyển Chi cục Kiểm lâm xử lý hồ sơ. 	Công chức Một cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	0,5 ngày làm việc
Bước 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, thẩm định hồ sơ, tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do. 	Chi cục Kiểm lâm – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4,5 ngày làm việc
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do. 	Ủy ban nhân dân tỉnh	20 ngày làm việc
Bước 4	Gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày làm việc
Bước 5	- Kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trả lời bằng văn bản cho Ủy ban	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25 ngày làm việc

	<p>nhân dân tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định hồ sơ, trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh. 		
Bước 6	Xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	Thủ tướng Chính phủ	Thực hiện theo quy chế làm việc của Chính phủ.
Bước 7	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức Một cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	0,5 ngày làm việc
* Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:			
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ: Ra Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. + Nếu hồ sơ không đầy đủ: Ra phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc trả lại hồ sơ để đơn vị hoàn chỉnh lại hồ sơ. - Lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. - Chuyển Chi cục Kiểm lâm xử lý hồ 	Công chức Một cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	0,5 ngày làm việc

	SƠ.		
Bước 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, thẩm định hồ sơ, tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do. 	Chi cục Kiểm lâm – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4,5 ngày làm việc
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. - Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do. 	Ủy ban nhân dân tỉnh	30 ngày làm việc
Bước 4	Trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	Ủy ban nhân dân tỉnh	10 ngày làm việc
Bước 5	Xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	Hội đồng nhân dân tỉnh	Thực hiện theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.
Bước 6	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh về kết quả giải quyết TTHC; thông báo cho tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả TTHC và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức Một cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	0,5 ngày làm việc

Quy trình số: 01/KTHT

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ NGOÀI TỈNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2139 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm
2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	<ul style="list-style-type: none">- Hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:+ Nếu hồ sơ đầy đủ: Ra Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.+ Nếu hồ sơ không đầy đủ: Ra phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc trả lại hồ sơ để đơn vị hoàn chỉnh lại hồ sơ.- Lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.- Chuyển Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ.	Công chức làm việc tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện nơi đi	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Phòng chuyên môn cấp huyện tham mưu Lãnh đạo UBND cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ và gửi hồ sơ đến UBND tỉnh nơi đi (qua Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	UBND cấp huyện nơi đi	28 ngày làm việc
Bước 3	Chi cục Phát triển nông thôn tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, thực hiện, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	07 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét ban hành Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án và gửi Quyết định đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến.	UBND cấp tỉnh nơi đi	03 ngày làm việc
Bước 5	Căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư hàng năm của tỉnh, tổ chức thẩm tra địa bàn nhân dân, xem xét, ban hành quyết định tiếp nhận bố	UBND cấp tỉnh nơi đến	30 ngày làm việc

	trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án. Chuyển kết quả cho UBND cấp tỉnh nơi đi.		
Bước 6	Nhận và chuyển kết quả cho UBND cấp huyện nơi đi.	UBND cấp tỉnh nơi đi	01 ngày làm việc
Bước 7	Xác nhận trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh về kết quả giải quyết TTHC; thông báo, chuyển kết quả cho UBND cấp xã nơi đi (để thông báo cho các hộ dân biết và chờ thông báo của UBND tỉnh về kế hoạch tổ chức đưa dân).	Công chức làm việc tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện nơi đi	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: 70 ngày làm việc			